

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động 0001/NH-GP
Ngân hàng số

Ngày 8 tháng 6 năm 1991

Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Francis Andrew Rozario	Phó chủ tịch
Ông Đào Trọng Khanh	Phó chủ tịch
Bà Vũ Thị Liên	Thành viên
Ông Vũ Đức Nhuận	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Atul Malik	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Quảng	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
pháp luật**

Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
-------------------	----------

Trụ sở đăng ký

Số 88, Phố Láng Hạ
Quận Đống Đa
Thánh phố Hà Nội

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều Hành

(a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 68 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

- Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thầy mặt Đan F



Atul Malik

Hà Nội, 28-03-2014

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“Ngân hàng”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 68 (“báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2013.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-022/1

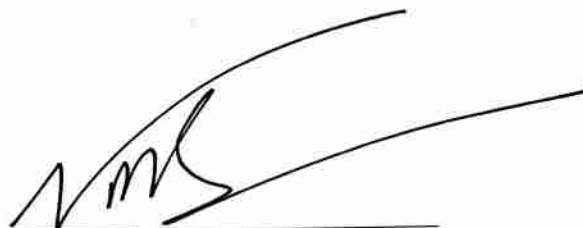


Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1572-2013-007-1

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B02/TCTD

		Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt và vàng	4	1.025.812	987.535
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	551.929	4.499.702
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	24.693.147	28.985.372
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		5.297.313	17.955.196
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		19.581.061	11.084.589
3	Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác		(185.227)	(54.413)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	129.348	57.270
1	Chứng khoán kinh doanh		191.543	93.201
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(62.195)	(35.931)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	48.112	58.325
VI	Cho vay khách hàng		26.676.110	28.187.973
1	Cho vay khách hàng	9	27.409.337	28.943.630
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(733.227)	(755.657)
VII	Chứng khoán đầu tư	11	33.364.545	30.225.909
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		32.928.694	30.376.907
2	Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn		506.208	-
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(70.357)	(150.998)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	2.213.476	2.139.959
1	Đầu tư vào công ty con		51.600	51.600
4	Đầu tư dài hạn khác		2.161.876	2.092.757
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(4.398)
IX	Tài sản cố định		847.245	900.444
1	Tài sản cố định hữu hình	13	285.833	355.598
a	Nguyên giá		490.889	527.380
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(205.056)	(171.782)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	14	289.806	296.438
a	Nguyên giá		312.780	312.780
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.974)	(16.342)
3	Tài sản cố định vô hình	15	271.606	248.408
a	Nguyên giá		350.024	308.458
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(78.418)	(60.050)
XI	Tài sản Có khác	16	13.252.738	10.246.459
1	Các khoản phải thu		8.529.509	6.281.323
2	Các khoản lãi, phí phải thu		4.271.776	3.670.346
4	Tài sản Có khác		637.703	316.248
5	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác		(186.250)	(21.458)
TỔNG TÀI SẢN			102.802.462	106.288.948

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
Bảng cân đối kế toán riêng ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD

		Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	17	644.189	5.329.623
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	18	24.397.983	30.234.984
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		8.483.834	17.615.920
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		15.914.149	12.619.064
III	Tiền gửi của khách hàng	19	65.540.192	59.632.032
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	20	141.402	145.363
VI	Phát hành giấy tờ có giá	21	800.002	300.002
VI	Các khoản nợ khác	22	1.873.771	1.574.553
1	Các khoản lãi, phí phải trả		1.252.523	1.221.705
2	Thuế phải trả		44.959	-
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		560.571	327.510
4	Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		15.718	25.338
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		93.397.539	97.216.557
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	Vốn và các quỹ	23	9.404.923	9.072.391
1	Vốn cổ phần		8.352.676	8.352.692
a	Vốn điều lệ		8.000.000	8.000.000
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		607	607
c	Thặng dư vốn cổ phần		400.000	400.000
d	Cổ phiếu quỹ		(47.931)	(47.915)
2	Các quỹ		503.984	460.304
5	Lợi nhuận chưa phân phối		548.263	259.395
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.404.923	9.072.391
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		102.802.462	106.288.948

31/12/2013
Triệu VND

31/12/2012
Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I	NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN	2.220.598	2.433.825
1	Bảo lãnh vay vốn	-	10.000
2	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	780.217	624.399
3	Bảo lãnh khác	1.440.381	1.799.426

Người lập



Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Lũy
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Atul Malik
Tổng Giám đốc

28-03-2014


		Thuyết minh	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	8.718.395	11.920.876
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(7.017.899)	(9.570.110)
1	Thu nhập lãi thuần	24	1.700.496	2.350.766
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	164.030	171.870
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(135.706)	(132.939)
11	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	25	28.324	38.931
III	Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	26	86.491	88.174
IV	(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	(81.995)	1.351
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	677.792	99.071
5	Thu nhập từ hoạt động khác		58.980	32.006
6	Chi phí hoạt động khác		(232.969)	(249.635)
VI	Lỗ thuần từ hoạt động khác	29	(173.989)	(217.629)
VII	Thu nhập thuần từ góp vốn, mua cổ phần	30	131.116	138.779
VIII	Chi phí hoạt động	31	(1.636.255)	(1.742.474)
IX	Lợi nhuận trước chi phí dự phòng		731.980	756.969
X	Chi phí dự phòng	32	(320.745)	(508.694)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		411.235	248.275
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	(71.364)	(26.766)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(71.364)	(26.766)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		339.871	221.509
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34	428	278

Người lập



Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Lũy
Kế toán trưởng



28-03-2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2013 (phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD

		2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	8.116.965	11.328.360
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(6.987.081)	(9.560.193)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	28.324	38.931
04	Số tiền thực chi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	627.338	301.401
05	Chi phí khác	(753.610)	(652.687)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn rủi ro	19.353	3.780
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(934.033)	(1.204.254)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	-	(271.657)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	117.256	(16.319)
	Thay đổi về tài sản hoạt động	(8.895.766)	4.026.205
09	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(3.513.648)	(6.369.710)
10	Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh	(4.320.439)	4.362.191
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	10.213	15.778
12	Cho vay và ứng trước cho khách hàng	1.534.293	9.153.309
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(221.981)	(80.221)
14	Tài sản hoạt động khác	(2.384.204)	(3.055.142)
	Thay đổi về nợ hoạt động	(3.923.976)	(5.077.651)
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	(4.685.434)	(4.786.598)
16	Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(5.837.001)	7.404.477
17	Tiền gửi của khách hàng	5.908.160	(2.964.565)
18	Giấy tờ có giá	500.000	(4.608.498)
19	Các khoản vốn tái trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(3.961)	(4.565)
21	Các khoản nợ hoạt động khác	201.561	(85.892)
22	Chi từ các quỹ	(7.301)	(32.010)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(12.702.486)	(1.067.765)

Mẫu B04/TCTĐ

		2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định	(118.473)	(286.729)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	16.170	1.213
07	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(217.368)	(345.042)
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	125.324	138.779
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(194.347)	(491.779)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(73)	(555.906)
05	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ	-	(47.915)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(73)	(603.821)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	(12.896.906)	(2.163.365)
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	19.771.960	21.935.325
VI	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (Thuyết minh 35)	6.875.054	19.771.960

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt


Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên


Nguyễn Thị Lũy
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

**NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
HÀNG HẢI
VIỆT NAM**

Atul Malik
Tổng Giám đốc

28 -03- 2014